

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán**

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05 - 24
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 16/09/2010)
Ông Đinh Khắc Cao	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 15/07/2010)
Ông Cán Hữu Hải	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 15/07/2010; Miễn nhiệm ngày 16/09/2010)
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên	
Ông Hà Sỹ Tuyển	Ủy viên	
Ông Bùi Vũ Hùng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Cấn Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội*

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính sau điều chỉnh của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 04 tháng 01 năm 2011, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.870.536.613	64.837.376.179
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	97.601.616.643	4.713.705.113
111	1. Tiền		1.891.616.643	4.713.705.113
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.710.000.000	-
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		26.782.744.456	22.794.943.157
131	1. Phải thu của khách hàng		24.145.203.015	23.127.132.235
132	2. Trả trước cho người bán		546.066.892	105.803.626
135	3. Các khoản phải thu khác	4	3.642.933.922	880.779.646
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.551.459.373)	(1.318.772.350)
140	IV Hàng tồn kho	5	26.784.787.449	35.853.800.938
141	1. Hàng tồn kho		27.756.283.885	36.323.597.520
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(971.496.436)	(469.796.582)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		701.388.065	1.474.926.971
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		503.575.245	1.060.012.671
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	5.000.000
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		197.812.820	409.914.300
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		24.732.381.405	30.698.668.646
220	II Tài sản cố định		13.861.384.795	14.559.869.370
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	13.815.673.132	14.534.306.040
222	- Nguyên giá		16.523.992.905	16.487.538.814
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.708.319.773)	(1.953.232.774)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	45.711.663	25.563.330
228	- Nguyên giá		97.800.000	62.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(52.088.337)	(37.236.670)
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	3.030.000.000	4.410.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.280.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	3.660.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
260	V Tài sản dài hạn khác		7.840.996.610	11.728.799.276
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	7.835.996.610	11.723.799.276
268	2. Tài sản dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		176.602.918.018	95.536.044.825

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		62.748.145.026	34.751.876.779
310	I Nợ ngắn hạn		62.007.901.622	34.611.897.600
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	30.000.000.000	3.318.000.000
312	2. Phải trả người bán		28.217.127.325	27.375.648.187
313	3. Người mua trả tiền trước		240.197.178	49.985.522
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.162.498.297	1.661.683.066
315	5. Phải trả người lao động		784.099.270	-
316	6. Chi phí phải trả	12	817.080.392	1.408.716.445
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	240.750.044	395.049.562
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		546.149.116	402.814.818
330	II Nợ dài hạn		740.243.404	139.979.179
331	1. Phải trả dài hạn người bán		586.382.545	-
333	2. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		107.860.859	93.979.179
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		113.854.772.992	60.784.168.046
410	I Vốn chủ sở hữu	14	113.854.772.992	60.784.168.046
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	51.097.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(765.000.000)	-
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(33.600.000)	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.778.425.126	2.778.425.126
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		1.302.568.687	823.252.473
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.377.539.179	6.085.070.447
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		176.602.918.018	95.536.044.825

Nguyễn Thị Khánh Quyên

Kế toán trưởng

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	96.709.920.093	105.650.620.511
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.118.755.682	1.457.037.677
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.591.164.411	104.193.582.834
11	4. Giá vốn hàng bán	16	75.483.710.154	81.727.110.729
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.107.454.257	22.466.472.105
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính (*)	17	9.002.259.028	701.618.269
22	7. Chi phí tài chính	18	970.471.616	112.430.640
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		888.420.468	87.515.156
24	8. Chi phí bán hàng		8.811.957.281	8.673.299.899
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.607.980.942	5.201.010.032
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		13.719.303.446	9.181.349.803
31	11. Thu nhập khác		392.924.264	188.327.946
32	12. Chi phí khác		28.831.754	2.001.380
40	13. Lợi nhuận khác		364.092.510	186.326.566
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.083.395.956	9.367.676.369
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	3.564.672.623	1.615.997.560
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.518.723.333	7.751.678.809
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	1.099	1.517

(*) Trong đó: Lãi hợp đồng ủy thác đầu tư là 4.025.200.000 đồng, chi tiết hợp đồng ủy thác phát sinh trong năm 2010 được thể hiện ở Thuyết minh số 17.

Nguyễn Thị Khánh Quyên
Kế toán trưởng

Cán Hữu Hải
Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		93.745.777.880	78.623.274.897
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(76.703.299.246)	(76.896.433.549)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.846.920.418)	(5.978.592.060)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(888.420.468)	(87.515.156)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.114.119.046)	(106.998.938)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.440.342.055	3.231.552.142
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.167.817.855)	(6.037.331.996)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.465.542.902	(7.252.044.660)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(58.520.000)	(54.738.218)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	22.500.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(77.500.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		77.500.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(59.395.500.000)	(750.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		67.260.000.000	1.555.200.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.002.259.028	588.677.587
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.808.239.028	1.361.639.369
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		51.097.420.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(33.600.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		46.765.654.133	7.132.522.170
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(20.083.654.133)	(3.814.522.170)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.131.690.400)	(6.371.210.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		71.614.129.600	(3.053.210.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		92.887.911.530	(8.943.615.291)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.713.705.113	13.657.320.404
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	97.601.616.643	4.713.705.113

Nguyễn Thị Khánh Quyên
Kế toán trưởng

Cán Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn - Cầu Giấy - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần.

Các công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	95 Phố Xuân Trường, Phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông công nghệ giáo dục	Căn hộ P.302, mảnh 2, Khu nhà ở bán cho Cán bộ chiến sỹ Báo An Ninh Thủ đô, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thông tin về các công ty con: xem chi tiết tại Thuyết minh số 8.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 04 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

2.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
▪ Phần mềm quản lý	10 năm

2.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.9 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	175.965.658	376.485.965
Tiền gửi ngân hàng	1.715.650.985	4.337.219.148
Các khoản tương đương tiền	95.710.000.000	-
	<u>97.601.616.643</u>	<u>4.713.705.113</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	667.045.030
Phải thu khác	3.642.933.922	213.734.616
- <i>Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương- Đông Anh- Hà Nội⁽¹⁾</i>	1.915.500.000	-
- <i>Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản- Phát hành SGK⁽²⁾</i>	200.000.000	-
- <i>Phải thu Viện Công nghệ Giáo dục</i>	1.400.000.000	-
- <i>Phải thu các đối tượng khác</i>	127.433.922	213.734.616
	<u>3.642.933.922</u>	<u>880.779.646</u>

⁽¹⁾Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương- Huyện Đông Anh- TP Hà nội. Diện tích khu đất là 7.662m2.

- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.

- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2010 Công ty đã thực hiện góp đủ số vốn theo cam kết tại hợp đồng này.

⁽²⁾Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: "Xây dựng Trung tâm Xuất bản- Phát hành Sách Giáo khoa" theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, do khó khăn trong việc huy động vốn nên Công ty đã gửi Công văn số 263/HAEBSCO ngày 18/11/2010 tới Tổng Giám đốc Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam để xin rút khỏi dự án và nhận lại số tiền đã góp. Tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính Công ty chưa nhận được trả lời bằng văn bản của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam về đề nghị nêu trên.

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.140.299.706	7.239.284.489
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.325.210.347	236.950.273
Thành phẩm	15.882.682.577	17.050.139.082
Hàng hoá	7.501.982.323	9.642.883.295
Hàng gửi đi bán	906.108.932	2.154.340.381
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(971.496.436)	(469.796.582)
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>26.784.787.449</u>	<u>35.853.800.938</u>

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.482.599.728	169.187.621	2.468.394.872	367.356.593	16.487.538.814
Số tăng trong năm	-	(132.044.765)	-	168.498.856	36.454.091
- <i>Phân loại lại</i>	-	(132.044.765)	-	132.044.765	-
- <i>Mua sắm mới</i>	-	-	-	36.454.091	36.454.091
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.482.599.728	37.142.856	2.468.394.872	535.855.449	16.523.992.905
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	533.379.110	126.840.499	1.024.895.174	268.117.991	1.953.232.774
Số tăng trong năm	268.717.439	(101.080.133)	397.223.520	190.226.173	755.086.999
- <i>Trích khấu hao</i>	269.652.000	5.306.122	391.883.560	88.245.317	755.086.999
- <i>Phân loại lại</i>	(934.561)	(106.386.255)	5.339.960	101.980.856	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	802.096.549	25.760.366	1.422.118.694	458.344.164	2.708.319.773
Giá trị còn lại					
Đầu năm	12.949.220.618	42.347.122	1.443.499.698	99.238.602	14.534.306.040
Cuối năm	12.680.503.179	11.382.490	1.046.276.178	77.511.285	13.815.673.132

7 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, Bảng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.000.000	42.800.000	62.800.000
Số tăng trong năm	-	35.000.000	35.000.000
- <i>Mua sắm mới</i>	-	35.000.000	35.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	20.000.000	77.800.000	97.800.000
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.883.333	27.353.337	37.236.670
Số tăng trong năm	2.000.000	12.851.667	14.851.667
- <i>Trích khấu hao</i>	2.000.000	12.851.667	14.851.667
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	11.883.333	40.205.004	52.088.337
Giá trị còn lại			
Đầu năm	10.116.667	15.446.663	25.563.330
Cuối năm	8.116.667	37.594.996	45.711.663

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	2.280.000.000	-
- <i>Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng</i>	1.980.000.000	-
- <i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục</i>	300.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	3.660.000.000
- <i>Công ty CP Sách Thiết bị TM và Dịch vụ Hải Phòng ⁽¹⁾</i>	-	3.660.000.000
Đầu tư dài hạn khác	750.000.000	750.000.000
- <i>Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Hà Nội</i>	750.000.000	750.000.000
	3.030.000.000	4.410.000.000

⁽¹⁾Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty CP Sách Thiết bị Thương mại và Dịch vụ Hải Phòng theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 22/3/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Cao Bằng	55%	55%	Mua bán sách, tạp chí, bản đồ, giấy viết, dụng cụ học tập....
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Hà Nội	100%	65%	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP;...

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí bản thảo	7.835.996.610	11.723.799.276
	7.835.996.610	11.723.799.276

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	30.000.000.000	3.318.000.000
- Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục ⁽¹⁾	30.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	3.318.000.000
Cộng	30.000.000.000	3.318.000.000

⁽¹⁾Bao gồm 02 hợp đồng vay sau:

- a. Hợp đồng vay vốn số 14/10-2010/HĐVV-TCGD ký ngày 16/10/2010 giữa bên cho vay là Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Giáo dục và bên vay là Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội, với các điều khoản:
 - Số tiền vay là: 20.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: tối đa 06 tháng, kể từ ngày 18/10/2010;
 - Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất: 15%/năm (Có thể thay đổi 03 tháng/lần cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên);
 - Hình thức đảm bảo: Tín chấp.
- b. Hợp đồng vay vốn số 8/11-2010/HĐVV-TCGD ký ngày 08/11/2010 giữa bên cho vay là Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Giáo dục và bên vay là Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội, với các điều khoản:
 - Số tiền vay là: 10.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: tối đa 03 tháng;
 - Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất: 15%/năm (Có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên);
 - Hình thức đảm bảo: Tín chấp.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.426.715	5.709.829
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.101.740.623	1.615.997.560
Thuế Thu nhập cá nhân	52.330.959	39.975.677
	1.162.498.297	1.661.683.066

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí khuyến khích tiêu thụ và hoa hồng môi giới	470.143.671	743.673.134
Chi phí bán thảo và phí phát hành	346.936.721	665.043.311
	<u>817.080.392</u>	<u>1.408.716.445</u>

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	76.011.162	56.167.340
Bảo hiểm xã hội	42.613.166	69.601.439
Bảo hiểm y tế	-	43.175.610
Bảo hiểm thất nghiệp	3.216.088	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	118.909.628	226.105.173
- <i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>118.909.628</i>	<i>226.105.173</i>
	<u>240.750.044</u>	<u>395.049.562</u>

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	51.097.420.000	-	-	2.778.425.126	1.838.244.818	5.532.579.863	61.246.669.807
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7.751.678.809	7.751.678.809
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	376.820.607	-	376.820.607
Trả cổ tức và giảm khác	-	-	-	-	(1.391.812.952)	(5.747.846.530)	(7.139.659.482)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.451.341.695)	(1.451.341.695)
Số dư cuối năm trước	51.097.420.000	-	-	2.778.425.126	823.252.473	6.085.070.447	60.784.168.046
Tăng vốn trong năm nay	51.097.420.000	(765.000.000)	-	-	-	-	50.332.420.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	10.518.723.333	10.518.723.333
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	525.936.167	-	525.936.167
Tiền thuế TNDN quý 4 năm 2008 được miễn giảm	-	-	-	-	-	32.099.681	32.099.681
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.600.000)	-	-	-	(33.600.000)
Trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	(46.619.953)	(6.085.070.447)	(6.131.690.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(2.103.744.668)	(2.103.744.668)
Thuế truy các năm theo biên bản thanh tra	-	-	-	-	-	(69.539.167)	(69.539.167)
Số dư cuối năm nay	102.194.840.000	(765.000.000)	(33.600.000)	2.778.425.126	1.302.568.687	8.377.539.179	113.854.772.992

Công ty đang tạm thực hiện phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết số 04/SGDHN của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 12/4/2010 như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích lập	Số tiền
Quỹ Dự phòng tài chính	5,00%	525.936.167
Quỹ phúc lợi	5,00%	525.936.167
Quỹ khen thưởng TGD	1,25%	131.484.042
Quỹ khen thưởng cho CBCNV	3,75%	394.452.125
Quỹ khen thưởng BDH	5,00%	525.936.167
Tổng cộng	20,00%	2.103.744.668

Số liệu tạm trích lập các quỹ trên có thể thay đổi khi kết quả hoạt động kinh doanh và tỷ lệ trích lập các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế năm 2010 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty thông qua.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	5.928.000.000	5,80%	14.032.000.000	27,46%
Vốn góp của đối tượng khác	96.266.840.000	94,20%	37.065.420.000	72,54%
Cộng	102.194.840.000	100,00%	51.097.420.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.194.840.000	51.097.420.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>51.097.420.000</i>	<i>25.548.710.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>51.097.420.000</i>	<i>25.548.710.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>102.194.840.000</i>	<i>51.097.420.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.131.690.400	6.371.210.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>6.131.690.400</i>	<i>6.371.210.000</i>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	5.109.742
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	5.109.742
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>5.109.742</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.500	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.215.984	5.109.742
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.215.984</i>	<i>5.109.742</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

15 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	96.666.283.729	105.650.620.511
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.636.364	-
	96.709.920.093	105.650.620.511

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá	75.483.710.154	81.727.110.729
	75.483.710.154	81.727.110.729

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.812.285.028	278.248.194
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	289.965.475
Cổ tức, lợi nhuận được chia	164.774.000	133.404.600
Lãi hợp đồng ủy thác đầu tư ⁽¹⁾	4.025.200.000	-
	9.002.259.028	701.618.269

⁽¹⁾ Lãi hợp đồng ủy thác đầu tư cho các cá nhân phát sinh trong năm 2010 từ các hợp đồng ủy thác đầu tư vào các lĩnh vực, dự án có hiệu quả, thông tin chi tiết như sau:

Hợp đồng	Đối tượng	Vốn góp đầu tư	Thời gian ủy thác	Lợi tức được hưởng	Lãi phát sinh
HĐ 01/2010 ngày 17/03/2010	Lưu Minh Huyền Số 3 Ngõ 195/1 Xã Đàn, Hà Nội	10.000.000.000	Tối đa 6 tháng	10%	1.000.000.000
HĐ 02/2010 ngày 12/10/2010	Lưu Minh Huyền Số 3 Ngõ 195/1 Xã Đàn, Hà Nội	20.000.000.000	Tối đa 4 tháng	15%	2.000.000.000
HĐ 03/2010 ngày 12/11/2010	Nguyễn Thanh Huyền Số 58 Ngõ Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	10.000.000.000	Tối đa 2 tháng	4%	1.000.000.000
HĐ 04/2010 ngày 08/12/2010	Nguyễn Thanh Huyền Số 58 Ngõ Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	1.400.000.000	Tối đa 1 tháng	2%	25.200.000

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	888.420.468	87.515.156
Chi phí ủy thác đầu tư	67.832.000	-
Chi phí tài chính khác	14.219.148	24.915.484
	970.471.616	112.430.640

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	14.083.395.956	9.367.676.369
Các khoản điều chỉnh tăng	340.068.538	-
- Chi phí không hợp lệ	340.068.538	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(164.774.000)	(133.404.600)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(164.774.000)	(133.404.600)
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.258.690.494	9.234.271.769
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (thuế suất 25%)	3.564.672.623	2.308.567.942
Thuế TNDN được miễn giảm	-	692.570.382
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.564.672.623	1.615.997.560
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	35.189.486	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.615.997.560	106.998.938
Thuế TNDN đã nộp trong năm	4.114.119.046	106.998.938
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.101.740.623	1.615.997.560

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	10.518.723.333	7.751.678.809
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.518.723.333	7.751.678.809
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.570.448	5.109.742
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.099	1.517

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

22 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2009</u> <u>VND</u>
Góp vốn vào công ty			
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty con	1.980.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Công ty con	300.000.000	-
Doanh thu bán hàng			
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty con	821.148.063	599.579.815

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) kiểm toán.

Trong kỳ, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay và phù hợp với hướng dẫn tại thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, cụ thể như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u> <u>VND</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u> <u>VND</u>
Bảng cân đối kế toán			
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	402.814.818	
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(76.896.433.549)	(853.841.705.541)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.132.522.170	784.077.794.162

Nguyễn Thị Khánh Quyên
Kế toán trưởng

Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2011